TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ - ST
Ngày 13-5-2025
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Luân

2. Bà Vũ Thị Tình

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Yến - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Đinh Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2025 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn S, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Chu Văn Ch, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Đ, thị xã K, tỉnh Hà Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị V trình bày: Chị kết hôn với anh Chu Văn Ch trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 20/02/2006 tại Ủy ban nhân

dân xã Th, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng, không hòa giải được. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên từ khoảng năm 2019 vợ chồng li thân nhau từ đó cho đến nay và không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống riêng của nhau nữa. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Chu Văn Ch.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Chu Văn Ch trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời điểm vợ chồng sống li thân đúng như chị Trịnh Thị V đã trình bày. Nay chị V xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị V không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị V và anh Ch thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là Chu Thị Như Q, sinh ngày 16/02/2007 và Chu Thành Đ, sinh ngày 08/11/2008, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị V. Anh chị đều thống nhất quan điểm khi vợ chồng ly hôn sẽ giao cháu Đ cho chị V nuôi dưỡng, anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Chu Thị Như Q, sinh ngày 16/02/2007 hiện đã trên 18 tuổi, có cuộc sống tự lập, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về con riêng: Chị V và anh Ch không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị V và anh Ch thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị V, xử thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị V và anh Chu

Văn Ch. Về con chung: Giao cháu Chu Thành Đ, sinh ngày 08/11/2008 cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, tự lập cuộc sống; anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị V, cháu Chu Thị Như Q, sinh ngày 16/02/2007 hiện đã trên 18 tuổi, có cuộc sống tự lập. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn là chị Trịnh Thị V và bị đơn là anh Chu Văn Ch đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị chị Trịnh Thị V và anh Chu Văn Ch là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 20/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng, không hòa giải được. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên từ khoảng năm 2019 vợ chồng li thân nhau từ đó cho đến nay và không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay cả chị V và anh Ch cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị V và anh Ch thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử thuận tình ly hôn giữa chị V và anh Ch là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị V và anh Ch có hai con chung là cháu Chu Thị Như Q, sinh ngày 16/02/2007 và Chu Thành Đ, sinh ngày 08/11/2008, từ khi anh chị li thân nhau đến nay cả hai cháu đều đang ở với chị V. Nguyện vọng của cháu Q và cháu Đ đều xin được ở với chị V. Quan điểm của chị V và anh Ch cùng thống nhất giao cháu Đ cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng và anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con, cháu Q đã trên 18 tuổi, có cuộc sống tụ lập, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Thấy rằng, cháu Chu Thị Như Q, sinh ngày 16/02/2007, hiện đã trên 18 tuổi, có cuộc sống tự lập. Vì vậy, giao cháu Đ cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh

Ch không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị V, và anh Ch là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị V và anh Ch không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị V và anh Ch thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị V đồng ý chịu cả phần án phí mà anh Chu Văn Ch phải nộp.

[6] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 108, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị V và anh Chu Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Chu Thành Đ, sinh ngày 08/11/2008 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Chu Thị Như Q, sinh ngày 16/02/2007, hiện đã trên 18 tuổi, có cuộc sống tự lập. Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị V.

Chị V cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Ch trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Án phí: Chị Trịnh Thị V và anh Chu Văn Ch mỗi người phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V, chuyển số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000242 ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam để đối trừ vào tiền án phí ly hôn chị V, anh Ch phải chịu. (Chị V và anh Ch đã nộp xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Hoàn trả lại cho chị Trịnh Thị V số tiền 150.000 đồng.

Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Kim Bảng;
- Chi cục THADS thị xã Kim Bảng;
- UBND Th,
huyện B, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyệt